TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 04-3-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Nguyễn Chí Cường

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 329/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 09/2021/QĐST-DS ngày 01/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ. (Theo Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5//2020 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Bích Thanh Tr, chức vụ: Nhân viên thu hồi nợ. (Theo Giấy ủy quyền số /2021/GUQ-TTT ngày 22/02/2021). Yêu cầu vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Trần Trung C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp L, xã LH, huyện B, tỉnh LA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-9-2019, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Nguyễn Bích Thanh Tr trình bày:

Ngày 16/3/2010, ông C ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Cường, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 6.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với số tiền 7.312.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông C đã thanh toán cho ngân hàng 12.076.000 đồng (thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 16/4/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/02/2021 ông C còn nợ các khoản: nợ gốc: 4.993.466 đồng, lãi quá hạn 13.446.840 đồng, tổng cộng 18.440.306 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung C trả ngay cho ngân hàng. Đồng thời, yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/02/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông Trần Trung C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc các bên thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các

chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự; hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ông C đã thực hiện các giao dịch với số tiền 7.312.000 đồng và thanh toán lại theo thỏa thuận đến tháng 01/2014 thì ngưng không thanh toán. Từ tháng 02/2014 Ngân hàng đã có văn bản nhắc nhở ông C thực hiện việc thanh toán nhưng ông C không thực hiện là ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 16/4/2014 là phù hợp. Tính đến ngày 22/02/2021 ông C còn nợ ngân hàng 4.993.466 đồng nợ gốc và 13.446.840 đồng nợ lãi quá hạn, tổng cộng 18.440.306 đồng. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bị đơn đăng ký thường trú và đang sống thực tế tại xã LH, huyện B, tỉnh LA nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Bị đơn ông Trần Trung C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/3/2010 giữa Ngân hàng với ông Trần Trung C được xác lập theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì ông C được cấp hạn mức 6.000.000 đồng, lãi suất theo lãi suất công bố tại thời điểm phát hành thẻ là 2,05%/tháng, từ ngày 06/7/2011 lãi suất được áp dụng là 2,15%/tháng, theo thỏa thuận tại Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì "việc không thanh toán số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán". Theo tài liệu ngân hàng cung cấp thì ngày 20/01/2014 và 20/02/2014 Ngân hàng đã thông báo ông C về việc ông C đã vi phạm thời hạn thanh toán nhưng ông C vẫn không thanh toán theo yêu cầu của ngân hàng. Do

đó, từ ngày 16/4/2014 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Theo thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 thì lãi suất, phí phát hành của thẻ tín dụng quốc tế sacombank là 2,15% kể từ ngày 06/7/2011 nên ngân hàng áp dụng lãi quá hạn là 3,225% bắt đầu tính từ ngày 16/4/2014 trên số nợ gốc 4.993.466 đồng là hoàn toàn phù hợp theo thỏa thuận. Theo đó, tính đến ngày 22/02/2021 ông C còn nợ ngân hàng 4.993.466 đồng nợ gốc và 13.446.840 đồng nợ quá hạn, tổng cộng 18.440.306 đồng.

[2.3] Ông Trần Trung C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhưng không có ý kiến phản đối nên đây là trường hợp không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Trần Trung C phải trả cho Ngân hàng 4.993.466 đồng vốn gốc, 13.446.840 đồng lãi quá hạn, tổng cộng 18.440.306 đồng. Kể từ ngày 22/02/2021, ông C còn phải chịu lãi suất theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Trung C phải chịu 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Trần Trung C có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP S số tiền 18.440.306 đồng (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn ba trăm lẻ sáu đồng). Trong đó gồm vốn gốc là 4.993.466 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn 13.446.840 đồng (Mười ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bốn mươi đồng) (tính đến ngày 22/02/2021).

Kể từ ngày 23/02/2021, ông Trần Trung C còn phải chịu lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP S theo Thỏa thuận hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 16/3/2010 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Ông Trần Trung C phải chịu 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai ngàn đồng) sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 387.600 đồng (Ba trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0011954 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, thành phố H.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh LA.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Miên

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
Dương Thị Sáu – Nguyễn Chí Cường	**Hồ Thị Miên**

Thành viên Hội đồng xét xử	Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
Nguyễn Thị Oanh Thy – Nguyễn Anh Thư	**Hồ Thị Miên**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh LA.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Miên